

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-11-2022

V/v: *Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Anh Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thế Công

2. Ông Hà Quốc Trung

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Thao – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2022/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị H, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn M, xã T, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985. ĐKKHKT: Thôn M, xã T, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (Hiện đang chấp hành án tại đội 30, phân trại số 02 Trại giam Hồng Ca – Bộ Công an, địa chỉ tại xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái).

(Chị H, anh Đ vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 14/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau không hạnh

phúc do anh Đ chơi bời, không chung thủy, đến tháng 11 năm 2018 anh Nguyễn Văn Đ vi phạm pháp luật bị Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Hiện nay anh Đ đang chấp hành án tại đội 30 phân trại số 02 trại giam Hồng Ca – Bộ Công an đóng tại xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, từ đó vợ chồng sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Giữa chị và anh Nguyễn Văn Đ có 01 con chung là Nguyễn Thị Cẩm A, sinh ngày 29/8/2011. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con do điều kiện hoàn cảnh của anh Đ đang đi chấp hành án không có điều kiện để nuôi con. Hiện cháu Tú đang học lớp 6 trường THCS xã T, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Chị hiện nay đang làm công nhân, thu nhập bình quân là 05 triệu/tháng, chị đảm bảo các điều kiện về chỗ ở, kinh tế để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai đề ngày 25/10/2022 (có xác nhận của Trại giam Hồng Ca), bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lương Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 14 tháng 02 năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do anh chơi bời, gái gú và đến tháng 12 năm 2017 anh bị Toà án xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Việc chị H xin ly hôn, do bản thân anh đang đi chấp hành án nên anh chưa muốn giải quyết ly hôn lúc này.

Về con chung: Giữa anh và chị Lương Thị H có 01 con chung là Nguyễn Thị Cẩm A, sinh ngày 29/8/2011. Nguyện vọng của anh là muốn được trực tiếp nuôi con sau khi anh chấp hành án xong.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo đơn nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Cẩm A thì nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị H để xử cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về nuôi con chung: Chấp nhận đề nghị về nuôi con chung của chị Lương Thị H. Giao con chung là Nguyễn Thị Cẩm A, sinh ngày 29/8/2011 cho chị Lương Thị H trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lương Thị H, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị H và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 14 tháng 02 năm 2012. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn không hạnh phúc, cả anh Đ và chị H đều thừa nhận mâu thuẫn là do anh Đ chơi bời, không chung thủy, từ khi anh Đ bị bắt về hành vi Trộm cắp tài sản và bị Tòa án xử phạt 07 năm 06 tháng tù thì vợ chồng sống ly thân nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị H là có căn cứ cần được chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Lương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

[3] Về con chung: Chị H và anh Đ đều xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Thị Cẩm A, sinh ngày 29/8/2011. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau khi anh chấp hành án xong.

Xét nguyện vọng của chị H và anh Đ về nuôi con chung thấy rằng: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, hiện nay anh Đ đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện để trực tiếp nuôi con. Do đó, để đảm bảo mọi mặt sinh hoạt và học tập của con, cần chấp nhận đề nghị về nuôi con chung của chị H, giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị H, anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung là phù hợp, có căn cứ theo quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 1 và khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Cẩm A, sinh ngày 29/8/2011 cho chị Lương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2021/0002894 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình. (Xác nhận chị Lương Thị H đã nộp đủ).

Chị Lương Thị H và anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- Chi cục THADS huyện Yên Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Anh Đào